TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2019/QĐST-HNGĐ	*Giồng Trôm, ngày 25 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 263/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp 3, xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp 6, xã LH, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Người được ủy quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, địa chỉ: Số 02, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 2, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim H – PP Tổng hợp.

Ông Đỗ Văn A, sinh năm: 1964.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1965.

Ông Võ Văn C, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Ông Phan Văn S, sinh năm: 1972.

Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1963.

Bà Phạm Thị Bé T, sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã PN, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1996, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Nguyễn Phạm Khánh D sinh ngày 26 tháng 8 năm 2007.

Bà Phạm Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phạm Khánh D.

Ghi nhận bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Văn P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Văn P được toàn quyền quản lý, sử dụng đất, sở hữu nhà và các tài sản trên phần đất diện tích 1878.4m^2 thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ địa chính số 3, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp 3, xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

(Có hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo)

- *Về nợ chung (nợ phải thu):* Ông Phan Văn S và bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời gian trả như sau:

Vào ngày 05/5/2019, ông Phan Văn S và bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Vào ngày 05/7/2019, ông Phan Văn S và bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày hết hạn trả tiền của từng lần cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Phạm Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ là 82.300.000đ (Tám mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/7/2017 là 641.667đ (Sáu trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tổng cộng là 150.641.667đ (Một trăm năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn gia súc là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thu N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn gia súc là 10.700.000đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.582.800đ (Hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng). Tổng cộng ông Phương chịu án phí là 2.732.800đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.286.250đ (Ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011197 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT. Ông Nguyễn Văn P được nhận lại số tiền chênh lệch là 553.450đ (Năm trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011197 ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT.

Trả lại ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.028.750đ (Một triệu không trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng theo biên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011198, số tiền 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0011199, số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011195 cùng ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT.

Ông Phan Văn S, bà Trần Thị Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.766.000đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019855 ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021257 ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021258 ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT.

- *Về chi phí tố tụng khác:* Ông Nguyễn Văn P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện GT;
- UBND xã TLT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- TAND tỉnh Bến Tre
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang